

GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG MỐI QUAN HỆ BIỆN CHỨNG GIỮA THỰC HỌC VÀ THỰC NGHIỆP CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT - HUNG

Phạm Thị Thanh Hương

Khoa Lý luận Chính Trị, Trường Đại học Công nghiệp Việt - Hung

Tóm tắt: Mối quan hệ biện chứng giữa thực học (nền tảng tri thức chất lượng) và thực nghiệp (năng lực ứng dụng thực tiễn) là yếu tố quyết định chất lượng nguồn nhân lực kỹ thuật. Bài báo phân tích thực trạng năng lực tự học và ứng dụng thực tiễn của sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Việt - Hung, tham chiếu từ tư tưởng Fukuzawa Yukichi và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nghiên cứu đề xuất bốn nhóm giải pháp đồng bộ nhằm kiến tạo nhân tài thực cho đất nước.

Từ khóa: Thực học; Thực nghiệp; Tự học; Sinh viên; Đại học Công nghiệp Việt - Hung.

SOLUTIONS TO STRENGTHEN THE DIALECTICAL RELATIONSHIP BETWEEN PRACTICAL LEARNING AND PRACTICAL PRACTICE FOR STUDENTS OF VIET- HUNG INDUSTRIAL UNIVERSITY

Phạm Thị Thanh Hương

Department of Political Theory, Viet- Hung Industrial University

Abstract: The dialectical relationship between practical learning (quality knowledge foundation) and practical practice (practical application capacity) is a decisive factor in the quality of technical human resources. The article analyzes the current status of self-study and practical application capacity of students of Viet- Hung Industrial University, referring to the thoughts of Fukuzawa Yukichi and President Ho Chi Minh. The study proposes four groups of synchronous solutions to create real talents for the country.

Keywords: Practical learning; Practical practice; Self-study; Students; Viet- Hung Industrial University.

Nhận bài: 15/08/2025

Phản biện: 13/09/2025

Duyệt đăng: 17/09/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư, chất lượng giáo dục đại học, đặc biệt là tại các trường khối kỹ thuật công nghiệp, phải được đo lường bằng hiệu quả ứng dụng kiến thức vào thực tiễn sản xuất. Yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ về việc hướng đến một nền giáo dục “Học thật, thi thật, nhân tài thật” đã đặt ra sứ mệnh cấp bách là phải tăng cường mối quan hệ biện chứng giữa Thực học và Thực nghiệp.

Thực học, theo tinh thần của Fukuzawa Yukichi, là học những điều thiết thực, học để có nghề và làm được nghề, đảm bảo tính thực tế và hiệu quả trong thực tiễn cuộc sống. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định nguyên tắc này thông qua tư tưởng “về cách học phải lấy tự học làm cốt”, biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo. Tuy nhiên, nếu Thực học chỉ dừng lại ở tri thức và ý thức tự học mà không được kiểm chứng, rèn luyện thông qua Thực nghiệp (thực hành, thực tế sản xuất), thì tri thức đó sẽ trở nên vô giá trị. Ngược lại, Thực nghiệp thiếu nền tảng Thực học sẽ thiếu tính bền vững và khả năng sáng tạo.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Vai trò của mối quan hệ biện chứng Thực học và Thực nghiệp

Mối quan hệ Thực học - Thực nghiệp không phải là mối quan hệ tuyến tính (học xong rồi làm) mà là mối quan hệ biện chứng, tác động qua lại, là vòng xoáy phát triển liên tục:

Thực học là nền tảng, là định hướng cho Thực nghiệp: Kiến thức, lý luận khoa học (bao gồm cả tư duy khoa học và năng lực tự học) cung cấp “vốn văn hóa có chất lượng” để sinh viên có khả năng phân tích, giải quyết vấn đề một cách căn cơ, khoa học và sáng tạo.

Thực nghiệp là thước đo, là môi trường hoàn thiện Thực học: Chính hoạt động thực tế, thực hành, thực tập, nghiên cứu khoa học (NCKH) là nơi kiểm chứng tính đúng đắn, tính hiệu quả của lý thuyết, đồng thời chỉ ra những lỗ hổng kiến thức cần được bồi đắp thông qua quá trình tự học, tự rèn luyện. GS. TSKH Nguyễn Cảnh Toàn từng nhấn mạnh: “Học bao giờ cũng gắn với tự học, tự rèn luyện để biến đổi nhân cách của mình”. Mối quan hệ qua lại này giúp sinh viên phát triển tư duy độc lập, kiên nhẫn và tinh thần sáng tạo – những đặc điểm cốt lõi của Thực học.

2.2. Thực trạng mối quan hệ Thực học - Thực nghiệp tại Đại học Công nghiệp Việt - Hưng

Thực trạng mối quan hệ này tại ĐHCN Việt - Hưng hiện nay chịu ảnh hưởng sâu sắc từ những hạn chế trong năng lực Tự học và Thực học của sinh viên, đồng thời bộc lộ những bất cập trong cơ chế đào tạo và liên kết doanh nghiệp.

2.2.1. Hạn chế từ phía Thực học (Tự học)

Các nghiên cứu gần đây tại Trường ĐHCN Việt - Hưng (tiêu biểu là đề tài 23.ĐTGV.009) đã chỉ ra rằng, ý thức và năng lực tự học của sinh viên còn rất nhiều hạn chế và bất cập, phản ánh một nền tảng Thực học chưa vững chắc. Cụ thể: Thói quen học tập thụ động: Tình trạng này bắt nguồn từ “thói quen, nếp nghĩ, ăn sâu bám rễ vào tâm trí” người học: muốn học thì phải đến trường, đến trường để được dạy học; “Thầy dạy mới học; học những điều Thầy dạy”. Điều này đi ngược lại với tinh thần Thực học và Tự học mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề ra: “phải lấy tự học làm cốt”. Sinh viên chưa thể hiện được tư duy tích cực và tự giác phát triển cá nhân như một đặc điểm của Thực học.

Thiếu mục đích và động cơ học tập rõ ràng: Nhiều sinh viên học tập vì bằng cấp, học vị thay vì vì giá trị thiết thực cho cuộc sống, dẫn đến bài trừ lối học hình thức chưa được triệt để. Mặc dù Thực học đòi hỏi phải học có mục đích, có tư duy, học để có nghề, làm được nghề, nhưng thực tế cho thấy động cơ học tập của một bộ phận sinh viên vẫn chỉ dừng lại ở mức độ hoàn thành môn học.

Năng lực tự nghiên cứu và phương pháp khoa học yếu: Năng lực tự học, bao gồm khả năng tư duy, khám phá, và vận dụng kỹ năng để trau dồi tri thức, chưa được khai thác hiệu quả. Sinh viên chưa vận dụng tốt nguyên tắc bảo đảm tính khoa học trong quá trình tự giáo dục và chưa thành thạo các phương pháp tự học tiên tiến (như phương pháp “sáu mọi” của GS. TSKH Nguyễn Cảnh Toàn).

2.2.2. Hạn chế từ phía Thực nghiệp

Sự yếu kém trong Thực học tất yếu dẫn đến sự yếu kém trong Thực nghiệp, tạo thành một vòng luẩn quẩn: Khả năng ứng dụng kiến thức thấp: Do lối học thụ động, sinh viên gặp khó khăn lớn khi phải giải quyết các vấn đề thực tiễn, đặc biệt là trong môi trường công nghiệp. Kiến thức chuyên ngành chưa được biến thành kỹ năng vận hành, kỹ năng giải quyết sự cố.

Thiếu môi trường “Thực nghiệp” chuyên sâu: Mặc dù Nhà trường đã cố gắng, nhưng cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, và xưởng thực hành vẫn chưa thể hoàn toàn mô phỏng được quy trình công nghệ và áp lực sản xuất thực tế tại doanh nghiệp hiện đại. Việc thực tập tại doanh nghiệp thường chỉ dừng lại ở mức độ quan sát, ít được tham gia trực tiếp vào các dự án hoặc dây chuyền sản xuất cốt lõi.

Khoảng cách giữa Chương trình đào tạo và nhu cầu Doanh nghiệp: Tốc độ thay đổi công nghệ trong ngành công nghiệp rất nhanh. Chương trình đào tạo có thể chưa cập nhật kịp thời các công nghệ, quy trình mới nhất, dẫn đến sản phẩm đào tạo thiếu hụt các kỹ năng cần thiết (như AI, IoT, tự động hóa tiên tiến) khi tốt nghiệp.

2.2.3. Sự đứt gãy trong mối quan hệ biện chứng

Thực trạng trên dẫn đến sự đứt gãy nghiêm trọng: Lý thuyết không được kiểm chứng: Sinh viên học về quy trình sản xuất nhưng không được thấy, không được làm, dẫn đến nguyên tắc “học đi đôi với hành” (nguyên tắc thứ ba đảm bảo việc tự học, thực học) không được đảm bảo.

Thực tế thiếu nền tảng lý luận: Khi đi thực tập hoặc làm việc, sinh viên dễ dàng sao chép kinh nghiệm mà thiếu khả năng phân tích, cải tiến quy trình dựa trên cơ sở khoa học, hạn chế tinh thần sáng tạo và đổi mới.

Đánh giá tổng thể, việc tăng cường mối quan hệ Thực học - Thực nghiệp cho sinh viên ĐHCN Việt - Hưng không chỉ là nhiệm vụ nâng cao năng lực tự học mà còn là một cuộc cách mạng về phương pháp giảng dạy và cơ cấu hợp tác, nhằm tạo ra giá trị thực để kiến tạo đất nước.

2.3. Giải pháp tăng cường mối quan hệ biện chứng Thực học - Thực nghiệp

Để củng cố mối quan hệ Thực học - Thực nghiệp, Nhà trường, giảng viên và sinh viên cần triển khai đồng bộ bốn nhóm giải pháp chiến lược sau:

2.3.1. Hoàn thiện chương trình đào tạo và cơ chế học đi đôi với hành

Giải pháp này tập trung vào việc thể chế hóa sự gắn kết giữa tri thức và hành động trong toàn bộ quá trình đào tạo. Cơ cấu lại tỷ trọng lý thuyết/ thực hành: Tăng cường thời lượng cho các học phần thực hành, thực nghiệm và đặc biệt là các học phần mang tính ứng dụng thực tế cao (như đồ án môn học, project chuyên ngành). Tỷ lệ

thực hành trong các học phần chuyên môn cần đạt tối thiểu 50%. Xây dựng học phần theo dự án (Project-Based Learning - PBL): Thay thế một phần các bài kiểm tra truyền thống bằng các đồ án tích hợp nhiều môn học, mô phỏng một dự án công nghiệp thực tế. Các đồ án này phải yêu cầu sinh viên tự học, tự tìm kiếm giải pháp (đáp ứng mục đích của Thực học), và chuyển giao sản phẩm cụ thể (đáp ứng yêu cầu của Thực nghiệp). Mô đun hóa nội dung chuyên đề thực tế: Đưa các nội dung công nghệ mới nhất (như công nghệ xanh, sản xuất thông minh, bảo trì dự đoán) thành các mô-đun chuyên đề bắt buộc, giảng dạy bởi chuyên gia doanh nghiệp. Nội dung phải đáp ứng tiêu chí “học những điều thiết thực cho cuộc sống”. Tăng cường thời lượng và chất lượng Thực tập tốt nghiệp: Kéo dài thời gian thực tập tại doanh nghiệp từ 3-4 tháng lên 6 tháng (một học kỳ). Yêu cầu doanh nghiệp tham gia vào việc đánh giá sinh viên dựa trên mức độ tham gia và đóng góp vào các dự án sản xuất thực tế. Thiết lập chuẩn đầu ra (CDIO) rõ ràng về năng lực Thực nghiệp: Chuẩn đầu ra phải cụ thể hóa các kỹ năng nghề nghiệp mà sinh viên cần đạt được, không chỉ là kiến thức. Ví dụ: “Có khả năng thiết kế, lắp đặt và vận hành hệ thống điều khiển PLC cơ bản” thay vì “Nắm vững kiến thức về PLC”. Điều này buộc sinh viên phải tự rèn luyện và tự giáo dục để đạt được năng lực thực tế.

2.3.2. Chuyển đổi phương pháp giảng dạy theo định hướng “Thực học - Tự học”

Trọng tâm là chuyển đổi vai trò của giảng viên từ người truyền đạt sang người kiến tạo môi trường và phương pháp để sinh viên Tự học và Thực học. Áp dụng phương pháp giảng dạy chủ động: Sử dụng các phương pháp như đảo ngược lớp học (Flipped Classroom), thảo luận chuyên sâu, và học tập dựa trên vấn đề (Problem-Based Learning - PrBL). Giảng viên cần đưa ra các vấn đề thực tiễn, phức tạp để kích thích sinh viên vận dụng tư duy độc lập và tìm kiếm tri thức theo phương pháp Tự học. Thực hiện tinh thần “sáu mọi” trong giảng dạy: Giảng viên cần hướng dẫn sinh viên cách áp dụng triệt để cách học “sáu mọi” của GS. TSKH Nguyễn Cảnh Toàn (học mọi nơi, học mọi lúc, học mọi vấn đề, học mọi người, học bằng mọi cách, học trong mọi hoàn cảnh). Cụ thể, hướng dẫn sinh viên sử dụng tài nguyên học liệu số, các diễn đàn chuyên môn, và học từ các chuyên

gia trong ngành. Giảng dạy phương pháp nghiên cứu khoa học (NCKH) từ sớm: NCKH là cầu nối lý tưởng nhất cho Thực học và Thực nghiệp. Giảng viên phải tích hợp hướng dẫn phương pháp NCKH vào các môn học chuyên ngành, giúp sinh viên làm quen với việc xác định vấn đề thực tiễn, xây dựng giả thuyết, thu thập dữ liệu và xử lý số liệu. Đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng Thực nghiệp: Bài kiểm tra phải là bài tập tình huống hoặc yêu cầu thiết kế/phân tích một sản phẩm/quy trình công nghiệp cụ thể, thay vì chỉ là kiểm tra ghi nhớ lý thuyết. Việc đánh giá phải đảm bảo tính thực tế và hiệu quả trong thực tiễn cuộc sống.

2.3.3. Tăng cường liên kết doanh nghiệp và môi trường thực nghiệp

Đây là giải pháp cung cấp môi trường để Thực học được chuyển hóa thành Thực nghiệp và ngược lại. Xây dựng mạng lưới doanh nghiệp đối tác chiến lược: Ký kết các thỏa thuận hợp tác sâu rộng, không chỉ dừng ở việc nhận sinh viên thực tập mà còn đồng hành trong việc xây dựng và phản biện chương trình đào tạo, tài trợ trang thiết bị, và cử chuyên gia tham gia giảng dạy. Thiết lập Trung tâm Mô phỏng Sản xuất (Production Simulation Center): Xây dựng một không gian trong khuôn viên trường mô phỏng hoàn toàn một dây chuyền sản xuất hiện đại (ví dụ: dây chuyền sản xuất lắp ráp, hệ thống tự động hóa). Sinh viên có thể luân phiên làm việc theo ca, dưới sự giám sát của kỹ sư doanh nghiệp, giúp họ trải nghiệm áp lực và tính kỷ luật của môi trường công nghiệp thực tế. Tổ chức các chuyến tham quan và hội thảo chuyên đề định kỳ: Không chỉ tham quan, mà sinh viên phải tham gia vào các hội thảo chuyên đề do doanh nghiệp tổ chức, trong đó họ phải trình bày ý tưởng hoặc giải pháp cho một vấn đề kỹ thuật mà doanh nghiệp đang gặp phải (Phụng sự xã hội là một đặc điểm của Thực học). Tạo cơ chế cố vấn từ doanh nghiệp (Mentorship Program): Mỗi nhóm sinh viên thực hiện đồ án tốt nghiệp sẽ được một kỹ sư cao cấp của doanh nghiệp cố vấn, đảm bảo đề tài có tính thực tiễn cao, giúp sinh viên kết nối thế giới thực nghiệp với tri thức hàn lâm.

2.3.4. Thúc đẩy nghiên cứu khoa học sinh viên là cầu nối Thực học - Thực nghiệp

Theo kết luận của đề tài nghiên cứu 23.ĐTGV.009, NCKH là hoạt động trí tuệ góp phần biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo. NCKH là giải pháp tổng hợp, nơi sinh viên

phải thực hiện cả Thực học (tự tìm tòi, nghiên cứu tài liệu, xây dựng cơ sở lý luận) và Thực nghiệp (thực hiện thí nghiệm, chế tạo sản phẩm, đánh giá hiệu quả). Xây dựng Quỹ hỗ trợ NCKH sinh viên theo định hướng ứng dụng: Ưu tiên tài trợ cho các đề tài xuất phát từ nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp hoặc cộng đồng. Ví dụ: Thiết kế hệ thống tiết kiệm năng lượng cho xưởng sản xuất, chế tạo mô hình thiết bị mới. Tích hợp NCKH vào tín chỉ: Quy đổi một số tín chỉ học phần nâng cao hoặc đồ án tốt nghiệp bằng kết quả NCKH (bài báo, sản phẩm mẫu). Điều này khuyến khích sinh viên thực hiện NCKH như một con đường chính thống để hoàn thiện kiến thức và kỹ năng. Tổ chức các cuộc thi sáng tạo công nghiệp: Tổ chức các cuộc thi chế tạo robot, thiết kế hệ thống tự động hóa, hoặc cải tiến quy trình sản xuất. Các cuộc thi này buộc sinh viên phải sử dụng kiến thức Thực học để giải quyết một thách thức Thực nghiệp trong một khuôn khổ cạnh tranh. Công bố và nhân rộng kết quả NCKH: Tạo điều kiện để sinh viên công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học

chuyên ngành của Trường hoặc tham gia các hội thảo quốc gia. Việc công bố giúp nâng cao tính tự giác và bền vững của quá trình học tập.

III. KẾT LUẬN

Việc tăng cường mối quan hệ biện chứng giữa Thực học và Thực nghiệp là chìa khóa để nâng cao chất lượng đào tạo tại Trường Đại học Công nghiệp Việt - Hung, đáp ứng yêu cầu về nhân tài thật của xã hội. Mối quan hệ này được củng cố dựa trên hai trụ cột: Nền tảng Thực học vững chắc (được xây dựng từ tinh thần tự học của Chủ tịch Hồ Chí Minh và tư tưởng thực học của Fukuzawa Yukichi) và cơ chế Thực nghiệp sâu rộng (thông qua liên kết doanh nghiệp và NCKH). Bốn nhóm giải pháp được đề xuất - hoàn thiện chương trình, đổi mới giảng dạy, tăng cường liên kết và đẩy mạnh NCKH - cần được triển khai đồng bộ và quyết liệt, nhằm chuyển đổi quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo và tự thực nghiệm, đào tạo nên thế hệ sinh viên công nghiệp có tri thức sâu rộng, năng lực thực hành thành thạo, sẵn sàng phụng sự xã hội và kiến tạo sự phát triển bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Linh Trang (2023). Hướng đến một nền giáo dục thực chất, phải xuất phát từ nhu cầu của thực tiễn. Tạp chí Giáo dục Việt nam (giaoduc.net.vn), 17/11/2023.
- [2] Hồ Chí Minh (1962). Về cách học. Báo Nhân Dân, số 2931, ngày 16/5/1962.
- [3] Nguyễn Cảnh Toàn (2005). Tự học – Một nhân tố quyết định phát triển nhân cách. Tạp chí Giáo dục, (116).
- [4] Fukuzawa Yukichi (2014). Khuyến học. (Phạm Hữu Bình dịch). Nhà xuất bản Phụ nữ, Hà Nội.
- [5] Phạm Thị Thanh Hương, Kiều Hưng, Nguyễn Thị Dung (2024). Báo cáo tổng kết Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường: Nghiên cứu tư tưởng thực học của Fukuzawa Yukichi và tinh thần tự học của Chủ tịch Hồ Chí Minh - Tham chiếu với ý thức tự học của sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Việt - Hung hiện nay. Mã số: 23.ĐTGV.009.
- [6] Tổng cục Thống kê (2023). Báo cáo khảo sát nhu cầu thị trường lao động năm 2023 và định hướng phát triển giáo dục đại học. Hà Nội.